

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD24B5
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Kỹ năng mềm(2)	Thông kê ứng dụng(3)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Soạn thảo văn bản(2)	Marketing(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2453403020176	Võ Văn	An	14/01/2007	2.4	2.2	2.7	0.0	2.3	2.4	2.0	1.8	Yếu
02	2453403020177	Bùi Thị Ngọc	Anh	03/03/2009	7.4	7.3	8.1	8.7	5.7	7.9	5.2	7.1	Khá
03	2453403020178	Lâm Thị Kim	Anh	15/08/2009	6.0	6.4	7.6	9.3	6.3	7.9	5.4	7.4	Khá
04	2453403020179	Nguyễn Trương Huỳnh	Anh	27/02/2009	8.4	6.2	6.8	4.8	8.2	7.9	5.7	6.7	Trung bình
05	2453403020180	Huỳnh Vũ Khánh	Băng	15/05/2009	2.6	7.6	3.3	0.0	2.7	2.8	2.0	2.0	Yếu
06	2453403020181	Phan Thị Khánh	Băng	06/10/2009	8.6	8.2	7.4	9.5	8.5	8.6	6.0	8.2	Giỏi
07	2453403020182	Nguyễn Thị Kim	Châu	20/08/2009	6.8	6.1	6.9	9.2	6.5	6.5	5.2	7.0	Khá
08	2453403020183	Huỳnh Thị Thùy	Dương	30/01/2009	6.2	6.5	6.9	8.8	5.5	7.0	5.7	6.8	Trung bình
09	2453403020184	Lê Huỳnh	Đức	17/09/2009	6.0	7.8	6.9	8.4	6.2	6.9	5.5	6.9	Trung bình
10	2453403020185	Nguyễn Bảo	Hung	25/07/2009	6.4	8.4	6.3	8.2	6.1	8.0	3.6	6.6	Trung bình
11	2453403020186	Lê Minh	Khải	01/10/2009	7.3	9.2	5.7	8.3	6.6	6.7	5.4	6.7	Trung bình
12	2453403020187	Bùi Minh	Khang	12/02/2009	8.7	8.1	6.9	6.2	8.0	7.5	5.6	6.9	Trung bình
13	2453403020188	Bùi Tấn	Kiệt	04/10/2009	6.9	7.3	6.8	5.8	6.1	8.0	5.8	6.4	Trung bình
14	2453403020189	Mai Phi	Long	26/02/2009	6.8	8.2	6.9	9.2	6.1	8.2	5.5	7.3	Khá
15	2453403020190	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	14/09/2009	7.8	7.0	6.0	8.0	5.7	8.0	5.5	6.7	Trung bình
16	2453403020191	Hồ Bảo	My	09/10/2009	6.0	8.6	7.4	9.5	6.5	8.4	5.1	7.5	Khá
17	2453403020192	Nguyễn Hoàng	Mỹ	08/05/2009	7.4	7.7	8.6	8.5	8.5	8.2	5.2	7.9	Khá
18	2453403020193	Trương Văn	Nam	26/06/2009	8.4	8.4	6.5	8.7	5.5	6.8	5.4	6.7	Trung bình
19	2453403020194	Trương Thị Mỹ	Ngân	23/10/2009	8.6	8.1	6.0	8.7	5.7	7.6	5.3	6.8	Trung bình
20	2453403020195	Nguyễn Thụy Bảo	Ngọc	05/11/2009	5.3	7.4	6.3	9.0	8.4	8.4	5.3	7.7	Khá
21	2453403020196	Trần Kim	Ngọc	12/06/2009	5.6	6.6	5.7	4.1	7.0	6.3	5.0	5.6	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Kỹ năng mềm(2)	Thống kê ứng dụng(3)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Soạn thảo văn bản(2)	Marketing(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2453403020197	Trần Như Ngọc	30/03/2009	7.2	8.0	6.7	8.4	6.6	7.3	5.4	7.0	Khá
23	2453403020198	Nguyễn Thị Hồng Nhung	06/03/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
24	2453403020199	Huỳnh Lê Tuyết Như	28/07/2009	7.1	7.2	8.2	7.4	8.0	7.0	5.1	7.2	Khá
25	2453403020200	Trần Đào Nhật Phát	11/12/2009	5.8	6.8	8.9	4.1	6.5	7.5	5.2	6.3	Trung bình
26	2453403020201	Võ Hoàng Phúc	11/07/2009	5.2	6.2	4.3	0.0	7.8	6.0	5.0	4.5	Yếu
27	2453403020202	Huỳnh Thị Soan	02/10/2009	7.1	7.4	6.3	8.4	6.0	6.7	5.2	6.6	Trung bình
28	2453403020203	Võ Văn Tâm	14/07/2009	9.6	8.4	7.9	6.8	6.3	6.6	5.8	6.7	Trung bình
29	2453403020204	Nguyễn Quốc Thái	11/04/2009	7.9	8.3	7.4	8.4	7.0	6.4	5.5	7.1	Khá
30	2453403020205	Nguyễn Duy Thanh	07/05/2009	7.2	8.5	6.8	8.7	6.5	8.4	5.9	7.3	Khá
31	2453403020206	Nguyễn Thanh Thanh	18/02/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.5	1.3	0.3	Yếu
32	2453403020207	Hà Thanh Toàn	24/03/2009	7.1	7.5	6.3	6.2	7.4	6.8	5.1	6.4	Trung bình
33	2453403020208	Nguyễn Thị Thùy Trang	17/05/2009	8.9	7.5	7.1	8.1	8.1	8.5	5.5	7.6	Khá
34	2453403020209	Nguyễn Thị Tường Vy	04/04/2009	5.5	7.7	6.1	8.2	6.4	7.7	5.4	6.9	Trung bình
35	2453403020210	Dương Hải Yến	27/04/2009	9.7	7.0	6.9	8.7	6.5	7.9	5.5	7.2	Khá
36	2453403020211	Huỳnh Thị Kim Yến	04/10/2009	8.8	7.0	8.4	8.2	8.4	8.0	6.2	7.9	Khá
37	2453403020212	Nguyễn Thị Ngọc Yến	27/01/2009	7.2	8.0	8.1	8.1	6.0	2.8	5.1	6.2	Trung bình
38	2453403020213	Võ Phi Yến	10/09/2009	7.0	6.2	8.2	8.4	6.8	7.9	6.6	7.6	Khá

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 17 tháng 03 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái